TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHO QUAN** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2024/DS-ST
Ngày:25/4/ 2024
V/v: Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong đấu thầu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiếu

Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nho Quan.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên toà:Bà Đinh Thị Ngần – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLST- DS ngày 05/5/2023 về "*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong đấu thầu*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Tổng công ty X – Công ty cổ phần**. Địa chỉ: Số C, đường B, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Đức H – Chủ tịch hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trịnh T – Phó tổng giám đốc kiêm trưởng phòng kỹ thuật – đấu thầu. (Có mặt xét xử; tuyên án vắng mặt không có lý do)

- *Bị đơn:* **Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện N, tỉnh Ninh Bình**. Địa chỉ: Phố P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Ngọc Q – Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H1 – Phó giám đốc Ban Q. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ **Công ty TNHH P**. Địa chỉ: Số nhà D, ngõ D, đường L, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đại L, sinh năm 1990, chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn T1, sinh năm 1990, chức vụ: Tổ trưởng tổ chuyên gia đấu thầu công ty. (Có mặt)

+ Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ: Đường L, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị Thúy N – Giám đốc. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

- Tổng công ty X- Công ty Cổ phần (viết tắt Công ty X1) có tham gia Gói thầu số 01: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị. Dự án: Xây dựng trạm bơm tưới Kim Đ và hệ thống kênh tưới cấp I, xã G, huyện N (gọi tắt Gói thầu số 1 huyện N).

Theo thông báo mời thầu số 20220926065; đăng tải ngày 08/9/2022 do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện N, tỉnh Ninh Bình (gọi tắt Ban QL huyện N) tổ chức; Hình thức đấu thầu qua mạng một giai đoạn và một túi hồ sơ, rộng rãi cả nước mở thầu ngày 18/9/2022.

Ngày 12/10/2022 công ty X1 nhận được văn bản số 225/BQLDA của Ban QL huyện N về việc làm rõ E- HSDT Gói thầu số 1 huyện N.

Ngày 13/10/2022 công ty X1 có văn bản số 242/CV-NT trả lời về việc làm rõ E- HSDT Gói thầu số 1 huyện N.

Ngày 28/10/2022 trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia, công ty X1 nhận được bản báo cáo đánh giá E- HSDT Gói thầu số 01 huyện N, theo đó E- HSDT của công ty X1 không đáp ứng về năng lực kinh nghiệm trong E- HSMT.

Ngày 28/10/2022 công ty X1 có đơn kiến nghị số 256/KN-TCT gửi Ban QL huyện N về việc không công nhận bản kết quả báo cáo đánh giá E- HSDT; Đồng thời kiến nghị Ban QL huyện Nho Quan Phúc khảo, đánh giá E- HSDT một cách khách quan, minh bạch, theo luật Đấu thầu.

Ngày 03/11/2022 Công ty X1 nhận được Văn bản số 257/BQLDA ngày 03/11/2022 của Ban QL huyện Nho Quan về việc trả lời kiến nghị số 256/KN-TCT ngày 28/10/2022 của công ty X1

Ngày 07/11/2022 Công ty X1 có đơn kiến nghị số 267/KN-TCT gửi Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh N về việc đề nghị: Phúc khảo, đánh giá lại E- HSDT Gói thầu số 01 huyện N một cách khách quan, minh bạch theo luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013.

Ngày 11/11/2022 Công ty X1 nhận được văn bản số 2700/KHĐT-ĐT của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình phúc đáp về việc kiến nghị tại văn bản số 267/KN-YCT ngày 07/11/2022 của công ty X1 đối với Gói thầu số 01 huyện N. Ngay trong ngày Nhà thầu đã có văn bản số 275/KN- TCT về việc: Phúc đáp văn bản số 2700/ KHĐT-TĐ ngày 09/11/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh N.

Ngày 29/12/2022 Công ty X1 tiếp tục có đơn kiến nghị số 352/KN-TCT (lần 2) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N đề nghị Hội đồng tư vấn thực hiện đúng quy định tại điều 120 Nghị định số 63/2014 ngày 26/6/2014.

Ngày 09/01/2023 Công ty X1 nhận được văn bản số 147/UBND- BQL của UBND huyện N, tỉnh Ninh Bình (kèm theo văn bản số 56a/HĐTV ngày 23/12/2022 của Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại- Sở KH& ĐT tỉnh N) trả lời về viêc giải quyết kiến nghị kết quả lựa chọn Nhà thầu Gói thầu số 01 huyện N của Công ty X1. Theo kết luận của Hội đồng tư vấn E- HSDT của công ty X1 không đạt với lý do không có tài liệu chứng minh được khả năng sẵn sàng huy động nhận sự cho gói thầu nên không đảm bảo tiêu chuẩn về nhân sự chủ chốt, phù hợp với quy định tại Mẫu 11a- Bảng kê khai nhân sự chủ chốt của E - HSMT

Công ty khẳng định E- HSDT Gói thầu số 1 huyện N của Công ty X1 hoàn toàn đáp ứng yêu cầu về năng lực kinh nghiệm (nhân sự chủ chốt) của E-HSMT; Hoàn toàn trung thực và tuân thủ theo các quy định của Luật Đấu thầu hiện hành.

Việc Ban QL huyện N quyết định cho công ty TNHH T5 trúng thầu với giá trúng thầu là 11.616.901.426 đồng cao hơn giá dự thầu của công ty X1 đã làm thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước có dấu hiệu vi phạm Điều 222 BLHS. Trong quá trình làm việc với Tòa án công ty X1 không yêu cầu và không thực hiện việc yêu cầu xem xét giải quyết vụ án hình sự.

Tại đơn khởi kiện Công ty X1 có yêu cầu Tòa án:

* Buộc Ban QL Nho Quan phải bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm uy tín, thương hiệu, danh dự của công ty X1 số tiền **61.812.000** đồng; bao gồm: Chi phí nộp HSDT: 330.000đồng; Chi phí bảo lãnh dự thầu: 1.009.589 đồng; Chi phí cung cấp tín dụng: 500.000đồng; Chi phí nộp giải quyết kiến nghị : 2.182.022 đồng; Trả lương cho cán bộ làm Hồ sơ dự thầu (Làm hồ sơ pháp lý: 16.000.000đồng; Làm hồ sơ đề xuất kỹ thuật: 22.000.000đồng; Làm hồ sơ đề xuất tài chính: 16.000.000đồng); Chi phí khảo sát công trường và hợp đồng cung ứng vật tư: 01 lái xe và 03 cán bộ. Thời gian: 01 ngày (L1 cán bộ và lái xe: 4ng x 450.000đồng= 1.800.000đồng; Ăn bữa chính 4 ng x 150.000đồng= 600.000đồng; Ăn sáng và sinh hoạt phí: 4 ng x 100.000đồng = 400.000đồng; Xe và phương tiện 1 ng x 2.000.000đồng = 2.000.000đồng)

*Buộc Ban QL Nho Quan phải xin lỗi Công ty X1 bằng văn bản.

Trong quá trình làm việc với Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thay đổi nội dung trong yêu cầu khởi kiện: Buộc Ban QL Nho Quan phải bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm uy tín, thương hiệu, danh dự của công ty X1.

Nay thay đổi thành Buộc Ban QL Nho Quan phải bồi thường thiệt hại về kinh tế cho công ty X1.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Buộc Ban QL Nho Quan phải bồi thường thiệt hại về kinh tế cho công ty X1 số tiền **61.812.000** đồng; bao gồm: Chi phí nộp HSDT: 330.000đồng; Chi phí bảo lãnh dự thầu: 1.009.589 đồng; Chi phí cung cấp tín dụng: 500.000đồng; Chi phí nộp giải quyết kiến nghị: 2.182.022 đồng; Trả lương cho cán bộ làm Hồ sơ dự thầu (Làm hồ sơ pháp lý: 16.000.000đồng; Làm hồ sơ đề xuất kỹ thuật: 22.000.000đồng; Làm hồ sơ đề xuất tài chính: 16.000.000đồng); Chi phí khảo sát công trường và hợp đồng cung ứng vật tư: 01 lái xe và 03 cán bộ. Thời gian: 01 ngày (L1 cán bộ và lái xe: 4ng x 450.000đồng= 1.800.000đồng; Ăn bữa chính 4 ng x 150.000đồng = 600.000đồng; Ăn sáng và sinh hoạt phí: 4 ng x 100.000đồng= 400.000đồng; Xe và phương tiện 1 ng x 2.000.000đồng = 2.000.000đồng).

*Buộc Ban QL Nho Quan phải xin lỗi Công ty X1 bằng văn bản.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa,Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn H1 trình bày:

* Về quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu

- Ngày 08/9/2022: Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện N (viết tắt Ban QL huyện N) đăng tải thông báo mời thầu gói thầu số 1: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình Xây dựng trạm bơm tưới Kim Đ và hệ thống kênh tưới cấp I, xã G, huyện N (gọi tắt Gói thầu số 01 huyện N) tại Thông báo mời thầu số 20220916065 trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

- Ngày 19/9/2022: Mở thầu gồm 2 nhà thầu tham dự (Công ty TNHH T5;công ty X1).

- Ngày 12/10/2022: Ban QL huyện N có văn bản số 225/BQLDA ngày 12/10/2022 về việc làm rõ E-HSDT của Công ty X1 trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

- Ngày 13/10/2022: công ty X1 có văn bản trả lời số 242/CV-NT ngày 13/10/2022 về việc trả lời làm rõ E-HSDT *(Không có tài liệu chứng minh đính kèm).*

- Ngày 17/10/2022: Công ty TNHH P ban hành Báo cáo đánh giá E-HSDT theo trên các tài liệu do nhà thầu cung cấp (dựa trên tiêu chí "Đánh giá về

năng lực và kinh nghiệm" đánh giá: Công ty TNHH T6; công ty X1 - Không đạt).

- Ngày 27/10/2022: UBND huyện N phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 1 huyện N.

- Ngày 27/10/2022: Ban QL huyện N đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu của Thông báo mời thầu số 20220916065.

- Ngày 28/10/2022: công ty X1 có Đơn kiến nghị số 256/KN-TCT về việc không công nhận bản kết quả báo cáo đánh giá E-HSDT của Ban QL huyện N.

- Ngày 03/11/2022: Ban QL huyện N đã ban hành Văn bản số 257/BQLDA ngày 03/11/2022 về việc trả lời đơn kiến nghị số 256/KN-TCT ngày 28/10/2022 của công ty X1.

- Ngày 07/11/2022: công ty X1 có Đơn kiến nghị số 267/KN-TCT gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N về việc không công nhận bản kết quả báo cáo đánh giá về kỹ thuật và Văn bản số 257/BQLDA ngày 03/11/2022 của Chủ đầu tư.

- Ngày 11/11/2022: công ty X1 có Đơn kiến nghị số 275/KN-TCT gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N kiến nghị kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Ngày 20/12/2022: Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị (Hội đồng tư vấn do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N thành lập tại Quyết định số 278/QĐ-KHĐT ngày 13/12/2022) đã làm việc, tổ chức hội nghị để thảo luận, trao đổi và thống nhất ý kiến về các nội dung kiến nghị của nhà thầu.

- Ngày 23/12/2022: Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị có ý kiến tại Văn bản số 56a/HĐTV ngày 23/12/2022 như sau: Việc đánh giá E-HSDT của Coogn ty X2 không đạt do sau khi làm rõ Nhà thầu không có tài liệu chứng minh được khả năng sẵn sàng huy động nhân sự cho gói thầu nên không đảm bảo tiêu chuẩn về nhân sự chủ chốt, phù hợp với quy định tại Mẫu 11a - Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt của E-HSMT đã phát hành của E-HSMT. Kiến nghị của Nhà thầu là công ty X1 không chính xác.

- Ngày 07/2/2023: UBND huyện N ban hành văn bản 147/UBND-BQL gửi công ty X1 về việc giải quyết kiến nghị kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 1huyện N.

Từ quá trình lựa chọn nhà thầu, giải quyết kiến của nhà thầu nêu trên, Ban QL huyện N không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là công ty X1.

*.Về số tiền công ty X1 yêu cầu bồi thường. Ban QL huyện N không chấp nhận yêu cầu bồi thường của người khởi kiện là công ty X1 với lý do:

- Theo quy định tại Mục 8 Chương I. Chỉ dẫn Nhà thầu thuộc phần 1. Thủ tục đấu thầu của E-HSMT: Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu; Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu. Như vậy

việc công ty X3 yêu cầu Ban QL huyện N bồi thường các chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu của nhà thầu là không đúng với quy định của E-HSMT.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại lời khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH P (viết tắt Công ty P) trình bày ý kiến như sau:

1. Các Văn bản kiến nghị của nhà thầu đã được bên mời thầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trả lời rõ ràng, rành mạch theo đúng các quy định của pháp luật.

* Lý do đánh giá E-HSDT của nhà thầu công ty X1 - không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong E-HSMT được nêu chi tiết trong báo cáo đánh giá E-HSDT là đúng các quy định của Pháp luật cụ thể như sau:

+ Ngày 12/10/2022 Ban QL huyện N đã có văn bản số 225/BQLDA gửi công ty X1 về việc làm rõ E-HSDT với nội dung: Quá trình xác minh Bên mời thầu nhận thấy một số nhân sự và thiết bị mà nhà thầu đề xuất hiện cùng lúc được huy động cho một số gói thầu khác đang còn thời gian thi công. Yêu cầu Nhà thầu phải bổ sung và chứng minh bằng các tài liệu (văn bản đề xuất thay đổi nhân sự, thiết bị của nhà thầu gửi Chủ đầu tư, văn bản chấp thuận cho phép nhà thầu thay đổi nhân sự được ký bởi đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư).

+ Ngày 13/10/2022 công ty X1 có văn bản số 242/CV-NT về việc trả lời làm rõ E-HSDT (Không có tài liệu chứng minh đính kèm): Nhà thầu đã khẳng định việc đề xuất nhân sự và thiết bị là sẵn sàng đáp ứng các tiêu chí của E-HSMT, các nhân sự và thiết bị như đã đề xuất chỉ phục vụ cho duy nhất Gói thầu số 1 huyện N. Với văn bản số 242/CV-NT của nhà thầu, Bên mời thầu nhận thấy việc đề xuất nhân sự đã vi phạm quy định của "Mẫu 11a - Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt" tại webform trên Hệ thống mạng ĐTQG "Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Chương III và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận."

+ Cụ thể: Các nhân sự nhà thầu đề xuất cho gói thầu này là ông Văn Thành T2 (Chỉ huy trưởng công trình), ông Lê Văn T3 (Cán bộ kỹ thuật thi công) và ông Trịnh Thanh T4 (Cán bộ phụ trách An toàn lao động) đang trùng với Gói thầu số 05 Thi công xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp kênh và công trình trên kênh N, Bên mời thầu là Công ty TNHH MTV K (Gọi tắt Gói thầu số 05 tỉnh Bắc Giang) với các chức danh lần lượt là: Ông Văn Thành T2- Chỉ huy trưởng; Ông Lê Văn T3- Kỹ thuật thi công; Ông Trịnh Thanh T4 - Cán bộ phụ trách An toàn lao động.

+ Báo cáo đánh giá E-HSDT Gói thầu số 05 tỉnh Bắc Giang công khai rộng rãi trên hệ thống đấu thầu quốc gia http://muasamcong.mpi.gov.vn/với số thông báo mời thầu là 20211151207. Trong báo cáo đánh giá E-HSDT nêu rất rõ các nhân sự trên đã được huy động cho công trình Cải tạo, nâng cấp kênh và công trình trên kênh N3 với thời gian thi công là 11 tháng từ khoảng tháng 12/2021 đến 11/2022.

+ Trong văn bản kiến nghị số 256/KN-TCT ngày 28/10/2022 của công ty X1 cũng khẳng định công trình trên chưa bàn giao đưa vào sử dụng.

+ Căn cứ theo điều 29. Điều kiện xét duyệt trúng thầu thuộc chương I của E-HSMT. Nêu rất rõ nhà thầu được xét duyệt trúng thầu phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

- Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;

- Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;

- Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;

- Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL;

- Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Như vậy nhà thầu không đáp ứng một yêu cầu sẽ không được xét duyệt trúng thầu nên khi nhà thầu không đáp ứng mức năng lực và kinh nghiệm sẽ không được xem xét đánh giá các bước tiếp theo.

2. Việc nhà thầu yêu cầu Ban QL huyện N phải bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm uy tín, thương hiệu, danh dự của Công ty X1 - là không có căn cứ. Gây ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của Ban QL huyện N và các đơn vị có liên quan.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án của mình và đồng ý với ý kiến của Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và không đồng ý với ý kiến của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

- Tại lời khai của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N trình bày ý kiến như sau:

Công ty X1 là nhà thầu tham gia gói thầu số 01 huyện N: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị được phát hành thông báo mời thầu ngày 08/9/2022 của UBND huyện N. Công ty X3 đã gửi đơn kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu trên. Thành viên của Hội đồng tư vấn là đại diện cơ quan chuyên môn đã tổ chức họp để xem xét hồ sơ dự thầu và những kiến nghị của nhà thầu và các tài liệu liên quan, qua đó thống nhất nội dung kiến nghị của nhà thầu công ty X1 Là không chính xác và đã gửi văn bản số 56a/HĐTV ngày

23/12/2022 đến UBND huyện N là bên mời thầu của gói thầu là chủ đầu tư của dự án trên để trả lời nhà thầu.

Về chi phí của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu được quy định tại khoản 8, Điều 9 Nghị định số 63/ 2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu: Chi phí của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chon nhà thầu là 0,02% giá thầu của nhà thầu có kiến nghị nhưng tối thiểu là 1.000.000đ và tối đa 50.000.000đ " Nhà thầu đã nộp 2.182.022 đồng phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị được xem xét giải quyết kiến nghị theo Điều 118 Nghị định 63/2014 ngày 26/6/2014.

Trong văn bản số 56 a/HĐTV ngày 23/12/2022 kèm biên bản họp của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị đã trả lời về kết quả giải quyết kiến nghị cho nhà thầu và kết luận về nội dung kiến nghị của nhà thầu là không chính xác cùng giải thích lý do. Nếu trong trường hợp kiến nghị của nhà thầu được Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị kết luận là đúng thì Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N sẽ yêu cầu các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm liên quan chi trả cho nhà thầu có kiến nghị số tiền bằng số tiền mà nhà thầu có kiến nghị đã nộp cho Hội đồng tư vấn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ; Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 13, Điều 74, Điều 75 và Điều 89 của Luật Đấu thầu; các điều 584, Điều 585 Bộ luật Dân sự; Điều 9, Điều 18 Nghị định số 63/2014/NĐ- CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nho Quan:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty X – Công ty cổ phần về việc yêu cầu Ban quản lý dự án xây dựng huyện N bồi thường thiệt hại kinh tế với tổng số tiền **61.812.000** đồng và xin lỗi Tổng công ty X – Công ty cổ phần B.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng công ty X – Công ty cổ phần P chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về áp dụng pháp luật tố tụng*:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong đấu thầu theo khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bị đơn có trụ sở làm việc tại Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nho quan theo quy định tại Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về sự có mặt của các đương sự được Tòa án triệu tập tại phiên tòa:

- Tại phiên tòa ngày 23/4/2024, Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh N có đơn xin xử vắng mặt.Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình.

[2].*Về áp dụng pháp luật nội dung*:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thì thể hiện: Công ty X1 tham gia dự thầu gói thầu số 1: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình Xây dựng trạm bơm tưới Kim Đ và hệ thống kênh tưới cấp I, xã G, huyện N (viết tắt gói thầu số 01 huyện N) theo Thông báo mời thầu số 20220916065 trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia. đăng tải ngày 08/9/2022 do Ban QL huyện N là Chủ đầu tư; Hình thức đấu thầu qua mạng một giai đoạn và một túi hồ sơ, rộng rãi cả nước mở thầu ngày 18/9/2022. Nhà thầu là Công ty X1 nộp hồ sơ dự thầu theo đúng quy định.

- Ngày 19/9/2022, Mở thầu gồm 2 nhà thầu tham dự (Công ty TNHH T5; Công ty X1).

- Ngày 12/10/2022, Ban QL huyện N có văn bản số 225/BQLDA ngày 12/10/2022 về việc làm rõ E-HSDT của Công ty X1 trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia với nội dung: Quá trình xác minh Bên mời thầu nhận thấy một số nhân sự và thiết bị mà nhà thầu đề xuất hiện cùng lúc được huy động cho một số gói thầu khác đang còn thời gian thi công. Yêu cầu Nhà thầu phải bổ sung và chứng minh bằng các tài liệu (văn bản đề xuất thay đổi nhân sự, thiết bị của nhà thầu gửi Chủ đầu tư, văn bản chấp thuận cho phép nhà thầu thay đổi nhân sự được ký bởi đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư).

- Ngày 13/10/2022, công ty X1 có văn bản trả lời số 242/CV-NT ngày 13/10/2022 về việc trả lời làm rõ E-HSDT (N*hưng không có tài liệu chứng minh đính kèm)*. Nhà thầu đã khẳng định việc đề xuất nhân sự và thiết bị là sẵn sàng đáp ứng các tiêu chí của E-HSMT, các nhân sự và thiết bị như đã đề xuất chỉ phục vụ cho duy nhất Gói thầu số 1 huyện N

- Ngày 17/10/2022 Công ty P ban hành Báo cáo đánh giá E-HSDT theo trên các tài liệu do nhà thầu cung cấp (dựa trên tiêu chí "đánh giá về năng lực và kinh nghiệm" đánh giá: Công ty TNHH T6; công ty X1 - Không đạt).

- Ngày 27/10/2022: UBND huyện N phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 1 huyện N.

- Ngày 27/10/2022: Ban QL huyện N đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu của Thông báo mời thầu số 20220916065.

Ngày 28/10/2022 công ty X1 có đơn kiến nghị số 256/KN-TCT gửi Ban QL huyện N về việc không công nhận bản kết quả báo cáo đánh giá E- HSDT; Đồng thời kiến nghị Ban QL huyện Nho Quan Phúc khảo, đánh giá E- HSDT một cách khách quan, minh bạch, theo luật Đấu thầu.

Ban QL huyện N có văn bản trả lời đơn kiến nghị của Công ty X1 và Công ty X1 đã không đồng ý với trả lời đơn kiến nghị của Ban QL huyện N nên đã tiếp tục gửi đơn kiến nghị lên Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N và Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N đã giải quyết kiến nghị cho nhà thầu và kết luận về nội dung kiến nghị của nhà thầu là không chính xác. Tuy nhiên Công ty X1 đã không đồng ý với kết quả của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N. Công ty X1 đã khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng ra Tòa án.

Tại phiên tòa Công ty X1 cho rằng BQL huyện N đánh giá về E-HSDT của nhà Thầu không đáp ứng tại bước đánh giá năng lực kinh nghiệm (Nhân sự chủ chốt) là không đúng thì thấy:

Căn cứ vào hồ sơ dự thầu đã nộp, Ban QL huyện N đã tiến hành làm rõ bằng văn bản đề nghị Nhà thầu làm rõ E-HSDT cụ thể :Các nhân sự nhà thầu đề xuất cho gói thầu này là ông Văn Thành T2 (Chỉ huy trưởng công trình), ông Lê Văn T3 (Cán bộ kỹ thuật thi công) và ông Trịnh Thanh T4 (Cán bộ phụ trách An toàn lao động) đang trùng với nhiều gói thầu cụ thể Gói thầu số 05 tỉnh Bắc Giang). Đề nghị nhà thầu bổ sung tài liệu chứng minh (Văn bản đề xuất thay đổi nhân sự của nhà thầu gửi Chủ đầu tư, văn bản chấp thuận cho phép nhà thầu thay đổi nhân sự được ký bởi đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư). Sau khi nhận văn bản yêu cầu làm rõ E-HSDT đối với phần nhân sự chủ chốt thì Nhà thầu có văn bản cũng chỉ khẳng định sẽ huy động đúng và đủ các nhân sự như đã kê khai trong E- HSDT ngoài nội dung khẳng định và cam kết sẽ đề xuất nhân sự đúng như E - HSDT trong văn bản số 242 ngày 13/10/2022 thì nhà thầu không có một văn bản nào hay bổ sung bất cứ tài liệu chứng cứ chứng minh có thể huy động được nhân sự đó cho gói thầu đang xét. Tại phiên tòa Công ty X1 cũng thừa nhận những nhân sự chủ chốt trong E- HSDT của gói thầu số 01 huyện N có trùng với gói thầu Gói thầu số 05 tỉnh Bắc Giang nhưng cho rằng gói thầu số 05 tại Bắc Giang có thời gian thi công 11 tháng từ tháng 12/2021 đến tháng 11/2022 là kết thúc và tại thời điểm đó công trình đã sắp hết thời hạn theo hợp đồng được ký kết. Trên thực tế nhà thầu đã thi công cơ bản hoàn thành công trình, đang trong thời gian hoàn thiện, bàn giao đưa vào sử dụng và bản thân nhà thầu không thể biết được thời gian đánh giá E-HSDT, thời gian thương thảo, hoàn thiện ký kết hợp đồng trong bao lâu; không khẳng định có trúng thầu hay không nên không thể điều động các nhân sự than gia thi công về nằm chờ chỉ để

phục vụ gói thầu mà nhà thầu đang tham gia dự thầu. Tuy nhiên toàn bộ những trình bày trên của Công ty X1 lại không có tài liệu hay bất cứ một văn bản thể hiện những nội dung trình bày trên của Nhà thầu là đúng và không được gửi bất cứ văn bản hay tài liệu gì cho Ban QL huyện N và trong quá trình đề nghị giải quyết kiến nghị tại Hội đồng tư vấn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N thì công ty X1 cũng không nộp bất cứ một tài liệu nào để chứng minh gói thầu số 05 tại tỉnh Bắc Giang đã hoàn thành, sắp hoàn thành hoặc đang trong thời gian hoàn thiện. Tại phiên tòa Ban QL huyện N và Công ty P đã trình bày việc đánh giá E-HSDT của Nhà thầu Công ty X1 không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong E- HSMT là đúng quy định của pháp luật vì BQL huyện N đã có văn bản yêu cầu về việc làm rõ E-HSDT và đề nghị phải bổ sung tài liệu chứng minh bằng văn bản gửi cho Chủ đầu tư tuy nhiên Công ty X1 không có bổ sung hay nộp thêm tài lệu chứng minh cho nhân sự chủ chốt mà chỉ khẳng định sẽ huy động đúng nhân sự như E-HSDT. theo quy định tại E- HSMT thì nhân sự chủ chốt đã vi phạm quy định của Mẫu 11a- Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt tại webform trên Hệ thống mạng ĐTQG có quy định "Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Chương III và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không thể kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận". Cụ thể công ty X1 cũng thừa nhận nhân sự nhà thầu đề xuất cho gói thầu này đang trùng với gói thầu số 05 tại tỉnh Bắc Giang và trong công văn số 256 ngày 28/10/2022 Đơn kiến nghị gửi Ban QL huyện N, công ty X1 cũng nêu rất rõ gói thầu số 05 tại tỉnh Bắc Giang còn đang trong thời gian hoàn thiện, bàn giao đưa vào sử dụng do đó Hội đồng xét xử thấy rằng việc đánh giá E- HSDT của Công ty X1 không đáp ứng tiêu chuẩn về nhân sự chủ chốt là đúng và phù hợp với quy định của E- HSMT.

*Đối với yêu cầu buộc Ban QL Nho Quan phải bồi thường thiệt hại về kinh tế cho công ty X1 với số tiền **61.812.000** đồng bao gồm:

Chi phí nộp HSDT: 330.000đồng; Chi phí bảo lãnh dự thầu: 1.009.589 đồng; Chi phí cung cấp tín dụng: 500.000đồng; thì thấy đây là các chi phí bắt buộc đối với nhà thầu khi tham gia dự thầu.

Đối với chi phí Trả lương cho cán bộ làm Hồ sơ dự thầu gồm:(Làm hồ sơ pháp lý: 16.000.000đồng; Làm hồ sơ đề xuất kỹ thuật: 22.000.000 đồng: Làm hồ sơ đề xuất tài chính: 16.000.000đồng); Chi phí khảo sát công trường và hợp đồng cung ứng vật tư: 01 lái xe và 03 cán bộ. Thời gian: 01 ngày gồm (L1 cán bộ và lái xe: 4ng x 450.000= 1.800.000đồng; Ăn bữa chính 4 ng x 150.000đ= 600.000 đồng; Ăn sáng và sinh hoạt phí: 4 ng x 100.000đ= 400.000đồng; Xe và phương tiện 1 ng x 2.000.000đ= 2.000.000 đồng) đây là chi phí tham gia dự thầu của Nhà thầu chi phí.

Đối với chi phí nộp giải quyết kiến nghị nộp cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N được quy định tại khoản 8 Điều 9 Nghị định 63/2014 ngày 26/6/2014 của Chính Phủ thì chi phí của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu là 0,02% giá dự thầu của nhà thầu có kiến nghị nhưng tối thiểu là 1.000.000đồng và tối đa 50.000.000 đồng và nhà thầu đã nộp 2.182.000 đồng phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị được xem xét giải quyết kiến nghị theo Điều 118 Nghị định 63 ngày 26/6/2014 và trong văn bản số 56a ngày 23/12/2022 của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị đã trả lời và kết quả giải quyết kiến nghị cho nhà thầu kết luận nội dung kiến nghị của nhà thầu là không chính xác nên chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị là nhà thầu phải chịu.

Những thiệt hại thực tế của Công ty X1 không phải do lỗi của Ban QL huyện Nho Quan gây ra và ngoài ra theo quy định tại Mục 8, chương I chỉ dẫn nhà thầu trong E- HSMT cũng có quy định: Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL, trong mọi trường hợp, bên mời thầu không chịu trách nhiệm về chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu. Do đó công ty X1 yêu cầu Ban QL huyện N phải bồi thường số tiền trên là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu Buộc Ban QL huyện N phải xin lỗi bằng văn bản với nội dung đã đánh giá hồ sơ dự thầu sai đối với phần nhân lực của công ty X1 thì thấy Ban QL huyện N đã đánh giá E-HSDT của Công ty X1 không đạt là đúng. Ban QL huyện N không có lỗi nên không căn cứ để chấp nhận.

Việc BQL huyện N đánh giá E-HSDT của Công ty X1 không đạt và bị loại là có cơ sở, phù hợp với quy dịnh tại Điều 74, Điều 75 và Điều 89 của Luật Đấu Thầu; Điều 18 của Nghị định 63/2014/NĐ- CP ngày 26/6/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu. Ban QL huyện N không gây thiệt cho công ty X1 trong quá trình chuẩn bị hồ sơ dự thầu, không có căn cứ làm phát sinh trách nhiêm bồi thường nên Ban QL huyện N không phải bồi thường thiệt hại và không phải xin lỗi công ty X1 là phù hợp với quy định tại Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn là Công ty X1 yêu cầu bị đơn là BQL huyện N phải bồi thường thiệt hại về kinh tế và phải xin lỗi công ty X1 bằng văn bản.

[3].*Về án phí*: Công ty X1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận với số tiền 3.090.600 đồng. Được trừ vào số tiền 1.545.300 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003896 ngày 05/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan. Số tiền án phí còn phải nộp lại 1.545.300 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ; Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 74, Điều 75 và Điều 89 của Luật Đấu thầu; Các Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Không Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty X – Công ty cổ phần về việc yêu cầu Ban quản lý dự án xây dựng huyện N bồi thường thiệt hại kinh tế với tổng số tiền **61.812.000** đồng và xin lỗi Tổng công ty X – Công ty cổ phần B.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng công ty X – Công ty cổ phần phải nộp án dân sự sơ thẩm là 3.090.600 đồng (Ba triệu không trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng). Được trừ vào số tiền 1.545.300 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi năm nghìn ba trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003896 ngày 05/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan. Số tiền án phí Tổng công ty X – Công ty cổ phần C phải nộp là 1.545.300 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi năm nghìn ba trăm đồng)

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TPNB;
- Chi cục THA TPNB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:</u>

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án

thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viêncủa Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH T7).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L2); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19)Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25)Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung).Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình

tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có);yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sựthì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)